

Đề thi Học kì 2 theo Thông tư 22

Năm học 2021 - 2022

Bài thi môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Đề số 5)

Họ và tên: Lớp.....

Phần 1. Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1 (0.5đ). Trong các số: 82350, 82305, 82503, 8530. Số lớn nhất là:

- A. 82350 B. 82305 C. 82503 D. 82530

Câu 2 (0.5đ). Giá trị của chữ số 7 trong số 57104 là:

- A. 70 B. 700 C. 7000 D. 70000

Câu 3 (0.5đ). $X : 8 = 1096$ (dư 7). Giá trị của X là:

- A. 8768 B. 137 C. 144 D. 8775

Câu 4 (1đ). Điền phép tính nhân và chia thích hợp vào ô trống:

24 6 2 = 8

- A. $24 : 6 \times 2 = 8$ C. $24 \times 6 : 2 = 8$
B. $24 : 6 : 2 = 8$ D. $24 \times 6 \times 2 = 8$

Câu 5 (1đ). Châu có 10 000 đồng. Châu mua hai quyển vở, giá mỗi quyển vở là 4500 đồng. Hỏi Châu còn lại bao nhiêu tiền?

- A. 5500 đồng B. 14500 đồng C. 1000 đồng D. 19000 đồng

Câu 6 (1đ). Một trường học chỉ dùng các bàn học có 2 chỗ ngồi. Vậy lớp 3C có 23 bạn thì cần ít nhất bàn như vậy.

Câu 7 (0.5đ). Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào chỗ chấm:

a. 2 kg ... 1998 g

b. $450\text{ g} \dots 500\text{g} - 50\text{g}.$

Câu 8 (1đ). Hình vuông ABCD có chu vi 48 cm. Độ dài cạnh hình vuông đó là: cm

Phần 2. Tư luận

Câu 9 (2đ). Đặt tính rồi tính:

a) $71584 - 65739 =$

b) $37426 + 7958 =$

c) $5438 \times 8 =$

d) $14889 : 7 =$

Câu 10 (2đ). Có 16560 viên gạch xếp đều lên 8 xe tải. Hỏi 3 xe tải đó chở được bao nhiêu viên gạch?

Bài giải:

$$= \quad (\quad)$$
$$= \quad (\quad)$$

Đáp số: